

- ✦ Phân tích mối quan hệ giữa dịch chuyển cơ cấu kinh tế với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam
- ✦ Tổng quan và năng suất hoạt động của ngành bảo hiểm giai đoạn 1998 - 2008
- ✦ Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ đầu tư phát triển địa phương

Dịch chuyển cơ cấu và tăng trưởng kinh tế

TS. NGUYỄN THỊ MINH

Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Đối với các nền kinh tế đã phát triển ở quỹ đạo cân bằng, hai yếu tố chính bao gồm sự tăng trưởng của các yếu tố đầu vào, và sự cải thiện của yếu tố năng suất tổng hợp (TFP). Còn với các nền kinh tế đang chuyển đổi, bên cạnh hai yếu tố truyền thống nói trên, sự dịch chuyển trong cơ cấu nền kinh tế cũng đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng kinh tế. Bài viết phân tích định lượng mối quan hệ giữa quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế với tăng trưởng của Việt Nam giai đoạn 2000-2007, làm cơ sở cho việc định hướng chính sách về ưu tiên phát triển ngành nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế.

Trước đây khi mà nền kinh tế thế giới chưa hội nhập sâu rộng thì cơ cấu của một nền kinh tế phụ thuộc chủ yếu vào nhu cầu nội tại của bản thân nền kinh tế đó. Do đó nền kinh tế của các nước đang phát triển thường được đặc trưng bởi một tỷ trọng nông nghiệp lớn, ngành dịch vụ chỉ đóng góp một vai trò nhỏ; và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra một cách từ từ. Hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường, giúp hiện thực hóa lợi thế cạnh tranh tương đối của các ngành trong mỗi nước. Thêm vào đó, hội nhập kinh tế quốc tế đẩy nhanh sự trao đổi về tiến bộ công nghệ giữa các nước, là yếu tố nền tảng cho sự vươn lên mạnh mẽ của một số ngành sản xuất. Do đó quá trình này tạo cơ hội cho các nước đang phát triển trong việc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, cải thiện chất lượng

và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bằng chứng là thế giới ngày nay đang chứng kiến sự chuyển dịch cơ cấu một cách mạnh mẽ của một số nền kinh tế đang phát triển, chẳng hạn như Ấn Độ, nơi mà ngành dịch vụ phát triển một cách ngoạn mục và đóng góp một phần rất lớn vào tăng trưởng của nền kinh tế nước này cũng như tạo công ăn việc làm cho một lượng lớn lao động.

Quan hệ giữa cơ cấu của nền kinh tế với mức tăng trưởng chung có thể được xem xét từ đồng nhất thức sau (xem Serquin, 1988):

$$GDP = \sum_i GDP_i$$

Từ đó ta có:

$$\begin{aligned} \gamma_{GDP} &= \sum_i \frac{GDP_i}{GDP} \gamma_{GDP_i} \\ &= \sum_i w_i \gamma_{GDP_i} \end{aligned}$$

Trong đó $w_i = GDP_i / GDP$ là tỷ trọng của ngành i đóng góp trong GDP của toàn nền kinh tế. Các tỷ trọng này thể hiện cho cơ cấu kinh tế. Biểu thức này cho thấy nếu cơ cấu kinh tế dịch chuyển sang các ngành có mức tăng trưởng lớn thì sẽ làm tăng mức tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Như vậy, trong khi tại các nước phát triển, cơ cấu của nền kinh tế khá ổn định và do đó yếu tố then chốt của tăng trưởng kinh tế là tiến bộ công nghệ, thì với các nước đang phát triển, chuyển dịch cơ cấu lại đóng một vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế. Điều này đã được nhấn mạnh trong báo cáo "Economic and Social Survey" (2006) của Liên hiệp quốc rằng: "Tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển chính là nhờ thay đổi trong cơ cấu sản xuất".

Các nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới cũng cho thấy rằng

Bảng 1

CƠ CẤU KINH TẾ CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ NHÓM NƯỚC (%)			
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
Việt Nam	20,97	41,02	38,01
Khối thu nhập thấp và trung bình	13,55	40,58	45,87
Trung Quốc	12,55	47,52	39,94
Thái Lan	10,17	44,04	45,78
Thế giới	3,17	27,88	68,95

Nguồn: World Development Indicator và tính toán của tác giả

dịch chuyển cơ cấu kinh tế đóng góp một phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế đối với các nước đang phát triển. Chẳng hạn Fan và cộng sự (2003) đã phân tích số liệu kinh tế Trung Quốc giai đoạn 1978 - 1995 - thời kỳ bắt đầu quá trình đổi mới của nước này - và thấy rằng dịch chuyển cơ cấu kinh tế đóng góp tới 17% cho tăng trưởng của toàn nền kinh tế.

Một trong các mục tiêu trung và dài hạn của kinh tế Việt Nam là dịch chuyển nền kinh tế hướng tới công nghiệp hóa đặc trưng bởi sự gia tăng hàm lượng công nghệ tiên tiến và chất xám có giá trị gia tăng cao, được thể hiện bởi một tỷ trọng lớn là sản phẩm dịch vụ và công nghiệp. Sau hơn 20 năm đổi mới, tuy đã đạt được một số thành tựu, nhưng cơ cấu kinh tế Việt Nam vẫn còn quá khác biệt với nền kinh tế thế giới nói chung và với các nước có cùng mức phát triển nói riêng: ngành nông nghiệp vẫn chiếm phần lớn trong tổng sản phẩm quốc dân, và vai trò của ngành dịch vụ chưa được thể hiện.

Bảng 1 cho thấy cơ cấu kinh tế của Việt Nam còn xa mới đạt đến mức chung của cơ cấu kinh tế thế giới: nông nghiệp Việt Nam vẫn chiếm một tỷ trọng lớn trong nền kinh tế, tới

hơn 20%, trong khi tỷ trọng này trên thế giới chỉ là 3,17% (trong khi đó diện tích đất bình quân đất nông nghiệp tính trên mỗi đầu người của Việt Nam chỉ bằng một phần mười so với thế giới và bằng ¼ so với Thái Lan hoặc Trung Quốc), dịch vụ đóng góp một tỷ lệ khiêm tốn ở mức 38%, trong khi mức bình quân trên thế giới là gần 70%.

Một câu hỏi đặt ra là : đâu là yếu tố cơ bản tạo ra sự dịch chuyển trong cơ cấu kinh tế Việt Nam trong giai đoạn vừa qua và đóng góp của nó vào tăng trưởng như thế nào? Dựa trên bức tranh vĩ mô về sự dịch chuyển nguồn lực giữa các ngành sản xuất và mối tương quan thống kê giữa sự dịch chuyển này và mức tăng trưởng kinh tế, bài viết và đưa ra một số khuyến nghị về mặt chính sách.

Dịch chuyển cơ cấu và tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1990 - 2007

Xem xét động thái tăng trưởng của 3 ngành: nông nghiệp (bao gồm nông, lâm và ngư nghiệp), công nghiệp và dịch vụ, số liệu được thu thập được từ Tổng cục Thống kê và một số nguồn số liệu trên thế giới cho thấy: Trong thời gian từ 1996 đến nay thì ngành

công nghiệp có mức tăng trưởng cao nhất và khá đều ở mức hơn 10% hàng năm, tiếp theo là ngành dịch vụ với mức tăng trưởng thấp hơn ngành công nghiệp nhưng đang có xu hướng tăng, ngành nông nghiệp có mức tăng thấp nhất và có xu hướng tiếp tục giảm sút (xem Hình 1).

Mức tăng trưởng kinh tế và cơ cấu kinh tế phân theo ba ngành sản xuất

Về tỷ trọng của 3 ngành này trong GDP, có thể thấy tỷ trọng của ngành nông nghiệp giảm đáng kể, trong khi đó tỷ trọng của ngành công nghiệp gia tăng khá mạnh, ngụ ý rằng kinh tế của Việt Nam đã có những thay đổi tiến bộ về mặt cơ cấu. Tuy nhiên một điều đáng lưu ý là tỷ trọng đóng góp của ngành dịch vụ không những không tăng mà còn có xu hướng giảm. Đây là một hiện tượng hiếm thấy trong quá trình phát triển kinh tế của một quốc gia.

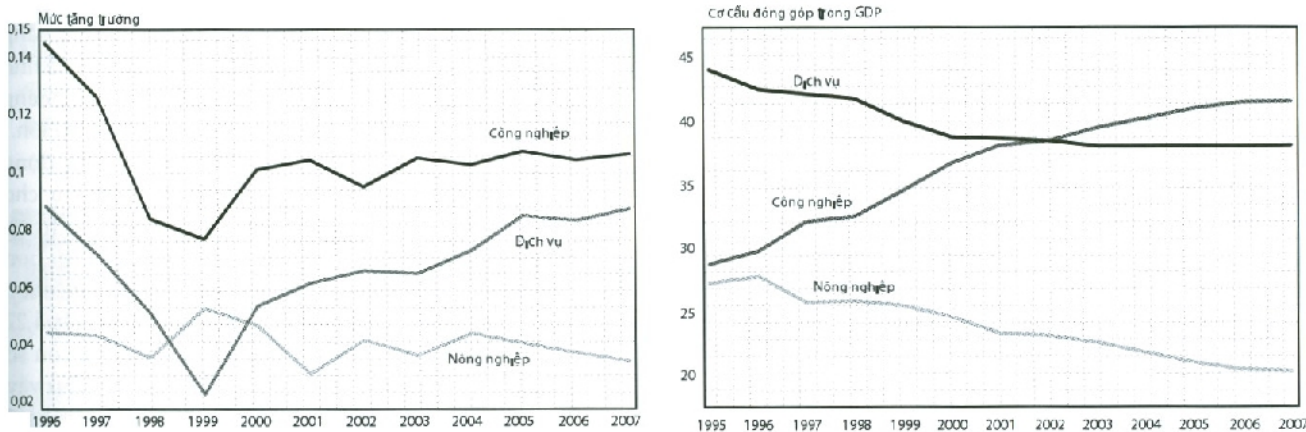
Sự dịch chuyển của các nguồn lực giữa ba ngành sản xuất

Hình 2 cho thấy một số đặc trưng của sự thay đổi trong lao động và đầu tư của 3 ngành sản xuất Việt Nam trong giai đoạn 2000- 2007 như sau:

1. Nông nghiệp vẫn chiếm một tỷ trọng lao động rất lớn, mức thấp nhất là 54% năm 2007, trong khi đó đầu tư cho nông nghiệp chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ, trong năm 2007 chỉ đạt 6,5% (lưu ý rằng nông nghiệp vẫn đóng góp 1/5 GDP của nền kinh tế). Tỷ trọng của cả lao động và vốn đầu tư cho nông nghiệp liên tục giảm.

2. Đầu tư cũng như lao động trong ngành dịch vụ đều chiếm tỷ trọng lớn hơn so với ngành công nghiệp. Điều

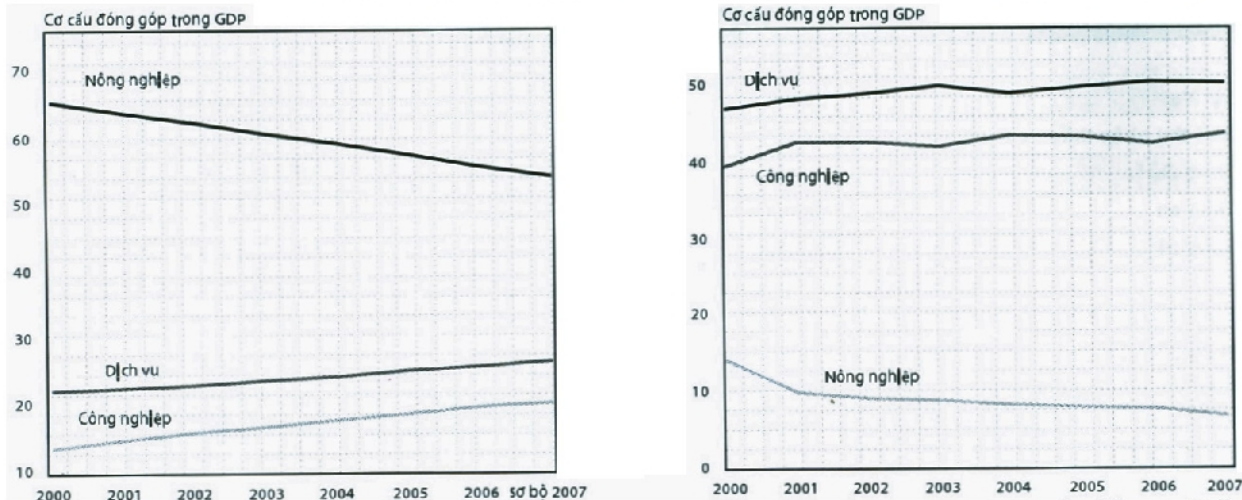
HÌNH 1: MỨC TĂNG TRƯỞNG VÀ CƠ CẤU CỦA BA NGÀNH SẢN XUẤT GIAI ĐOẠN 1996 - 2007



Nguồn: Tổng cục Thống kê



HÌNH 2: SỰ THAY ĐỔI TRONG TỶ TRỌNG LAO ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ CỦA CÁC NGÀNH SẢN XUẤT



Nguồn: Tổng cục Thống kê

này có thể lý giải như sau: một số ngành dịch vụ công (hoặc công là chủ yếu) như: giáo dục, y tế, quốc phòng hay hoạt động đảng đoàn xã hội chiếm gần 30% tổng lao động và 50% tổng đầu tư trong toàn ngành này.

Bảng 2 cho thấy sự thay đổi trong

tỷ trọng các đầu vào trung gian được sử dụng trong 3 ngành giữa các năm 2000 và 2005: tỷ trọng đầu vào trung gian của các ngành nông nghiệp và dịch vụ đều giảm mạnh, trong khi đầu vào trung gian của ngành công nghiệp gia tăng mạnh mẽ.

Về xu hướng gia tăng lao động vào lương đầu vào trung gian được sử dụng trong mỗi ngành tinh trong giai đoạn từ 2000 - 2005, Bảng 3 cho thấy số lượng lao động ngành nông nghiệp là hầu như không thay đổi trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2005, trong khi số lao động trong ngành công nghiệp tăng 58% và số lao động ngành dịch vụ tăng 28%.

Bảng 2

TỶ TRỌNG ĐẦU VÀO TRUNG GIAN SỬ DỤNG TRONG BA NGÀNH NĂM 2000 - 2005 (%)

Năm	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ	Tổng
2000	10,3	69,8	19,8	100
2005	7,5	76,6	15,9	100

Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả

Bảng 3

SỰ GIA TĂNG LAO ĐỘNG VÀ ĐẦU VÀO TRUNG GIAN CỦA CÁC NGÀNH NĂM 2005 SO VỚI NĂM 2000 (%)

	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
Lao động	1,00	1,58	1,28
Đầu vào trung gian	1,18	1,78	1,30

Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả

Bảng 4

THU NHẬP LAO ĐỘNG, VỐN CỦA CÁC NGÀNH TRONG NĂM 2000 - 2005

	Lao động/tổng l.đ	Thu nhập l.đ/tổng thu nhập	So sánh với nông nghiệp	Đầu tư/tổng đ.t	Thặng dư/tổng thặng dư
2000					
Nông nghiệp	0,65	0,34	1,00	0,14	0,12
Công nghiệp	0,13	0,28	4,09	0,39	0,53
Dịch vụ	0,22	0,38	3,34	0,47	0,35
2005					
Nông nghiệp	0,57	0,30	1,00	0,75	0,10
Công nghiệp	0,18	0,35	3,66	0,43	0,61
Dịch vụ	0,25	0,36	2,77	0,50	0,29

Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả dựa vào bảng Input - Output

Sự thay đổi trong mức thu nhập của các yếu tố đầu vào theo ngành

Bảng 4 cho một số nhận xét như sau về cơ cấu sử dụng các loại đầu vào theo ba ngành sản xuất:

1. Thu nhập bình quân của người lao động ngành nông nghiệp đạt mức thấp hơn nhiều so với các ngành còn lại: năm 2000, nông nghiệp chiếm 65% tổng lao động của cả nền kinh tế nhưng họ chỉ nhận được 34% tổng thu nhập lao động. Đến năm 2005 tình hình có cái thiện hơn: 57% lao động với tỷ phần thu nhập 30%. Con số trong cột (4) cho thấy năm 2000, thu nhập của lao động nông nghiệp chỉ bằng 1/4 so với công nghiệp và bằng 1/3 so với dịch vụ. Đến năm 2005 tình hình có cái thiện hơn nhưng khoảng cách trong thu nhập vẫn còn rất lớn.

2 So sánh giữa thu nhập lao động trong công nghiệp và dịch vụ cho thấy: thu nhập bình quân trong ngành công nghiệp vẫn cao hơn ngành dịch vụ: năm 2000 thu nhập trong ngành công nghiệp cao gấp 1,22 lần so với ngành dịch vụ, và con số này trong năm 2005 là 1.32. Như vậy khoảng cách giữa thu nhập trong 2 ngành không những không thu hẹp

lại mà còn rộng hơn.

3. Tuy tỷ trọng đầu tư cho ngành dịch vụ luôn cao hơn ngành công nghiệp khoảng 15% mỗi năm (hình 2), nhưng tỷ trọng thặng dư của ngành dịch vụ trên tổng giá trị thặng dư toàn nền kinh tế lại giảm đi khá nhiều, trong khi đó tỷ trọng này của công nghiệp lại tăng mạnh. Điều này ngụ ý rằng đầu tư vốn cho công nghiệp đang đưa lại hiệu quả cao hơn các ngành còn lại. Thặng dư cho ngành nông nghiệp là thấp so với các mức chung của nền kinh tế: cho tới trước năm 2000 thì tỷ trọng đầu tư cho nông nghiệp là luôn luôn lớn hơn 14%, điều này hàm ý rằng đến năm 2000 thì tỷ trọng vốn trong nông nghiệp chiếm ít nhất là 13% tổng vốn cả nước, nhưng thặng dư năm 2000 chỉ là 12%. Sự giảm sút trong tỷ trọng lao động ngành nông nghiệp có lẽ chưa đủ để làm cân bằng lợi nhuận biên của vốn trong nông nghiệp so với các ngành khác nên chúng ta vẫn thấy tỷ lệ tăng trong vốn đầu tư cho nông nghiệp tiếp tục giảm sút.

Bảng 5 cho biết tỷ số vào - ra của các ngành trong các năm 2000 - 2005, tỷ số này được tính bằng chi phí cho đầu vào trung gian trên mỗi đồng tổng sản phẩm. Một sự giảm sút trong tỷ số này trong một ngành có thể phản ánh sự gia tăng trong hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào do tiến bộ công nghệ của ngành đó, tuy nhiên nó cũng có thể phản ánh sự dịch chuyển của ngành đến việc sử dụng nhiều hơn các yếu tố đầu vào cơ bản (vốn và lao động) thay vì các yếu tố đầu vào trung gian. Giai đoạn 2000 - 2005 tỷ số vào ra của các ngành hầu như không có thay đổi gì đáng kể, điều này có thể phản ánh một thực tế rằng việc áp dụng tiến bộ công nghệ vào sản xuất là chưa được chú trọng, đặc biệt là trong ngành công nghiệp.

Nhận xét chung về quá trình dịch chuyển của các yếu tố sản xuất

Giai đoạn 2000-2005 đã chứng

kiến một sự dịch chuyển của các yếu tố sản xuất, trong đó sự dịch chuyển của lao động là phù hợp với quy luật kinh tế thị trường trong đó nguồn lực dịch chuyển từ nơi có năng suất thấp đến nơi có năng suất cao. Tuy nhiên sự dịch chuyển của vốn chưa thể hiện quy luật này. Cụ thể như sau:

1. Lao động dịch chuyển khá mạnh ra khỏi ngành nông nghiệp đến các ngành công nghiệp và dịch vụ. Mức dịch chuyển này phù hợp với quy luật kinh tế thị trường trong đó lao động dịch chuyển đến công nghiệp nhiều hơn đến dịch vụ (5% so với 3% trong tổng số lao động), do mức thu nhập trung bình trong công nghiệp cao hơn so với dịch vụ. Sự dịch chuyển trong đầu tư cũng theo xu hướng tương tự.

2. Một điều đáng lưu ý là tuy tỷ trọng đầu tư dành cho dịch vụ luôn cao hơn so với ngành công nghiệp và số lao động trong dịch vụ tăng thấp hơn so với công nghiệp nhưng mức thu nhập bình quân của ngành dịch vụ tiếp tục giảm sút so với ngành công nghiệp.

3. Tương tự như nhận xét 2) trên, tuy đầu tư cho dịch vụ trong giai đoạn 2000- 2005 liên tục cao hơn so với công nghiệp nhưng tỷ trọng thặng dư trong ngành dịch vụ so với tổng thặng dư lại giảm sút khá mạnh trong khi tỷ trọng thặng dư của ngành công nghiệp lại tăng mạnh. Nói cách khác, tuy thu nhập trên vốn của ngành dịch vụ thấp hơn so với ngành công nghiệp nhưng đầu tư cho ngành này lại luôn cao hơn so với ngành công nghiệp. Điều này không phù hợp với quy luật của nền kinh tế thị trường.

4. Sự phát triển của ngành dịch vụ không giống với sự phát triển trên thế giới trong đó năng suất của các yếu tố sản xuất trong ngành này thường cao hơn trong các ngành khác. Phải chăng đó là vì ngành dịch vụ ở Việt Nam vẫn còn phát triển ở mức độ thấp, dừng ở mức cung cấp các dịch vụ cơ bản và không đòi hỏi lao động có trình độ cao cũng như chưa áp dụng

được các công nghệ tiên tiến.

Như vậy chúng ta đã có một bức tranh chung về sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế giữa ba ngành đo bằng tỷ trọng đóng góp trong GDP, ngoài ra chúng ta cũng đã xem xét sự dịch chuyển về tỷ trọng lao động và đầu tư giữa các ngành. Phần tiếp theo sẽ tìm hiểu về quan hệ định lượng giữa mức tăng trưởng kinh tế và cơ cấu kinh tế.

Mô hình kinh tế lượng đánh giá quan hệ giữa sự dịch chuyển trong cơ cấu kinh tế và tăng trưởng kinh tế

Phần này chúng ta sẽ sử dụng mô hình kinh tế lượng dạng mảng để đưa ra các phân tích định lượng mới về mối quan hệ giữa hai yếu tố này.

Số liệu được thu thập từ Tổng cục Thống kê cho các tỉnh giai đoạn từ 2001-2007.

Mô hình được sử dụng là mô hình dạng mảng như sau:

$$GDPgr_{it} = \alpha_0 + \alpha_1 t + \alpha_2 Kgr_{it} + \alpha_3 Lgr_{it} + \alpha_4 NN_{it} + \alpha_5 CN_{it} + \alpha_6 DV_{it} + c_i + v_{it} \quad (1)$$

Trong đó:

GDPgr: mức tăng trưởng GDP

t: chỉ số thời gian, đại diện cho sự cải thiện công nghệ nói chung cho toàn nền kinh tế; i: chỉ số chỉ các tỉnh; c_i : tham số đặc trưng cho sự không đồng nhất về các điều kiện kinh tế khác của các tỉnh, và v_{it} là thành phần sai số ngẫu nhiên

Kgr: mức tăng trưởng trong vốn

Lgr: mức tăng trưởng trong lao động

NN_i ; CN_i và DV_i lần lượt là tỷ trọng ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trong GDP của tỉnh i

Do tồn tại đa cộng tuyến hoàn hảo giữa các biến NN, CN và DV (tổng của 3 biến này bằng 100). Nên mô hình (1) được viết lại như sau:

$$GDPgr_{ij} = \beta_0 + \beta_1 t + \beta_2 Kgr_{ij} + \beta_3 Lgr_{ij} + \beta_4 DV_{ij} + \beta_5 CN_{ij} + c_i + v_{ij} \quad (2)$$

Trong đó:

$\beta_4 = \alpha_6 - \alpha_4$; $\beta_5 = \alpha_5 - \alpha_4$; và do đó ý nghĩa của hệ số β_4 (β_5) được giải thích là sự khác biệt giữa ảnh hưởng của tỷ trọng dịch vụ (công nghiệp) lên tăng trưởng kinh tế so với sự ảnh hưởng của tỷ trọng nông nghiệp lên tăng trưởng kinh tế;

$\beta_4 - \beta_5 = \alpha_6 - \alpha_5$ chính là sự khác biệt trong ảnh hưởng của tỷ trọng

Bảng 5

TỶ TRỌNG CHI PHÍ DÀNH CHO ĐẦU VÀO TRUNG GIAN / TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT			
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
2000	0,33	0,69	0,40
2005	0,32	0,70	0,39

Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả



Bảng 6

KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG MÔ HÌNH 1: BIẾN PHỤ THUỘC GDPGR				
	Hệ số	Sai số chuẩn	z	P> z
cncocau	0,07	0,01	12,05	0,00
dvcocau	0,05	0,01	5,54	0,00
ldgr	3,95	2,19	1,80	0,07
kgr	1,52	0,44	3,43	0,00
t	0,36	0,05	6,97	0,00
_cons	-607,43	102,15	-5,95	0,00
Wald chi2(5) = 310,76				
Prob > chi2 = 0,0000				
Trung bình bình phương sai lệch giữa số liệu và dự báo: 0,01				

ngành dịch vụ lên tăng trưởng so với ảnh hưởng của tỷ trọng ngành công nghiệp lên tăng trưởng.

Sau khi thực hiện hồi quy với các dạng khác nhau của mô hình và thực hiện các kiểm định cần thiết, chúng ta thu được mô hình dạng tác động cố định sau đây là mô hình thích hợp nhất (Bảng 6).

Kết quả ước lượng (Bảng 6) cho thấy: Các hệ số ước lượng của biến CN và của biến DV đều dương một cách có ý nghĩa thống kê. Điều này ngụ ý rằng tác động của tỷ trọng ngành công nghiệp và của ngành dịch vụ lên tăng trưởng kinh tế là lớn hơn so với tác động của tỷ trọng ngành nông nghiệp. Điều này hợp lý với thực tế của kinh tế Việt Nam do nền nông nghiệp vẫn còn sản xuất manh mún và lạc hậu so với các ngành sản xuất khác

Kiểm định cũng cho thấy hệ số tương ứng với biến cncocau lớn hơn hệ số tương ứng với biến dvcocau với mức ý nghĩa 0,05. Điều này hàm ý rằng tác động một sự gia tăng trong tỷ trọng ngành dịch vụ sẽ có tác động đến tăng trưởng ít hơn là sự gia tăng trong tỷ trọng của ngành công nghiệp.

Tóm lại các kết quả ước lượng cung cấp thêm cơ sở để khẳng định rằng việc dịch chuyển cơ cấu ngành sản xuất là rất cần thiết nhằm thúc đẩy tăng trưởng, trong đó khẳng định

vai trò quan trọng của ngành dịch vụ và ngành công nghiệp.

Kết luận và một số khuyến nghị chính sách

Các phân tích trên cho thấy tuy Việt Nam đã đạt được một mức tăng trưởng khá cao trong những năm qua nhưng cơ cấu kinh tế giữa các ngành chưa thực sự có những thay đổi đáng kể. Mức tăng trưởng này phần lớn là do sự mở rộng của hoạt động kinh tế thông qua việc gia tăng sử dụng các yếu tố đầu vào, dựa vào một tỷ lệ tiết kiệm cao, nhiều giờ lao động và nhiều đầu tư trực tiếp nước ngoài, chứ chưa phải do việc nâng cao hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào và do đó gia tăng năng suất lao động và vốn. Sự gia tăng này chưa phải là nền tảng cho tăng trưởng bền vững và phản ánh một thực tế là tiến bộ công nghệ chưa thực sự là nền tảng cho sự phát triển của nền kinh tế. Đây có lẽ là một điểm đáng lưu tâm vì nước ta vừa mới tham gia quá trình hội nhập và do đó lẽ ra tốc độ đóng góp của tiến bộ công nghệ vào tăng trưởng phải đạt ở mức cao.

Kết quả phân tích định lượng cho thấy có một mối tương quan chặt chẽ giữa quá trình chuyển dịch cơ cấu với mức tăng trưởng kinh tế. Kết quả này cung cấp thêm cơ sở cho việc thúc đẩy

nhANH HƠN NỮA quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là nên thúc ép quá trình dịch chuyển cơ cấu một cách khiên cưỡng, phi thị trường, mà là tạo điều kiện và môi trường cho việc chuyển dịch được diễn ra một cách thuận lợi.

Kết quả ước lượng cũng cho thấy vai trò khiêm tốn của cơ cấu ngành dịch vụ trong việc đóng góp cho tăng trưởng. Chúng ta cũng lưu ý ở đây rằng ngành dịch vụ ở đây bao gồm nhiều dịch vụ công như giáo dục, bệnh viện và một số hoạt động công ích khác. Điều này cho thấy rằng cần tạo điều kiện hơn nữa cho ngành dịch vụ như là các hoạt động tạo ra lợi ích cho nền kinh tế như tài chính, ngân hàng, thương mại, công nghệ thông tin v.v...

Trong nền kinh tế hội nhập, để hòa nhập và nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế, Việt Nam cần có các chính sách phù hợp nâng cao tính thông thoáng và công bằng của thị trường, tạo điều kiện cho quá trình chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế được nhanh và hiệu quả.

Tài liệu tham khảo:

1. Bruce R. Guile and Harvey Brooks (1987), *Technology and Global Industry: Companies and Nations in the World Economy*, NATIONAL ACADEMY PRESS Washington, D.C.
2. Rubina Verma (2008), *The Service Sector Revolution in India – A quantitative analysis*, Research Paper No. 2008/72, World Institute for development Economics Research
3. Shenggen Fan và cộng sự (2003), *Structural change and Economic Growth in China*, Review of development economics, 7(3), pp 360-377
4. Syrquin.M (1988), *Patterns of Structural Change*, vol. 1 of *The Handbook of Development Economics*. Amsterdam: Elsevier Science Publishers B.V
5. United Nation (2006), *Economics and Social Survey 2006*, <http://www.un.org/esa/policy/wess/wess2006files/>
6. Wooldridge, J.M (2002), *Econometric analysis of cross section and panel data*. The MIT press, Cambridge, Massachusetts, London, England